BSC

Thứ năm, ngày 24 tháng 11 năm 2022

Vietnam Daily Review

Một phiên giằng co

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/11/2022	●		
Tuần 21/11-25/11/2022	●		
Tháng 11/2022		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau một ngày giằng co, VN-Index kết phiên gần như không thay đổi so với hôm qua. Độ rộng thị trường cân bằng với 11/19 ngành tăng điểm, trong đó ngành Tài nguyên cơ bản tiếp tục có mức tăng mạnh nhất hơn 3% trong ngày hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường đang trong xu hướng giằng co tại vùng 950 với thanh khoản thấp, tuy nhiên hai cây nến Doji với bóng nến trên dài trước đó cho thấy tâm lý thị trường thiếu sự tích cực. Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng tiền mặt cao trong danh mục.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo xu hướng vận động của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư chỉ giao dịch ngắn hạn theo chiều short trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 24/11/2022, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

• VN-Index +1.71 điểm, đóng cửa 947.71 điểm. HNX-Index +0.22 điểm, đóng cửa 191.22 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: VIC (+1.26), VNM (+0.96), HPG (+0.83), BID (+0.77), VHM (+0.66).
• Kéo chỉ số giảm: MSN (-1.32), GAS (-1.12), MWG (-0.95), NVL (-0.74), VCB (-0.58).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 6,961 tỷ đồng, tăng 0.33% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 8,358 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 15.72 điểm. Thị trường có 218 mã tăng, 72 mã tham chiếu, 214 mã giảm.
• Giá trị mua ròng của khối ngoại: 289.99 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FUEVFVND (81.8 tỷ), VNM (71.74 tỷ), BID (27.86 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 29.45 tỷ đồng.

Tổng quan

BSC RESEARCH

Trưởng phòng
Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường
Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **947.71**
Giá trị: 6960.83 tỷ 1.71 (0.18%)
Khối ngoại (ròng): 289.99 tỷ

HNX-INDEX **191.22**
Giá trị: 661.6 tỷ 0.22 (0.11%)
Khối ngoại (ròng): 29.45 tỷ

UPCOM-INDEX **67.51**
Giá trị: 256.76 tỷ -0.15 (-0.22%)
Khối ngoại (ròng): 7.36 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	77.4	-0.78%
Giá vàng	1,754	0.28%
Tỷ giá USD/VND	24,835	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,859	-0.07%
Tỷ giá JPY/VND	179	0.10%
LS liên NH 1 tháng	6.9%	0.02%
LS TPCP 5 năm	4.8%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFVND	81.8	FUESSV50	-26.0
VNM	71.7	GAS	-19.9
BID	27.9	KDH	-16.3
GMD	26.5	KBC	-12.7
NLG	24.1	VCB	-12.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 3
Khuyến nghị dài hạn	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

BSC

11/25/2022

Vietnam Daily Review

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 24/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	77.40	-4.39%	-8.94%	-7.41%	-0.53%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	84.64	-4.21%	-8.85%	-7.20%	5.25%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.46	-3.09%	-1.83%	-1.45%	9.41%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1749.66	0.54%	-1.36%	6.13%	-2.17%		PNJ
Bạc	Ounce	21.54	2.16%	0.28%	11.82%	-8.47%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1436.50	0.47%	0.51%	4.00%	13.42%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	792.75	0.16%	-3.03%	-5.48%	-5.26%	AFX	
Sữa	Cwt	21.04	0.05%	0.29%	-3.49%	17.21%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	127.10	0.32%	-2.08%	3.25%	-29.39%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	19.55	-0.96%	-3.55%	7.83%	-1.91%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Chè	Kg	2.84	0.00%	-1.39%	2.90%	-9.55%		
Cà phê	LB	160.45	-0.83%	3.22%	-15.73%	-34.86%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.65	1.02%	-3.73%	5.77%	-18.21%	CAV. SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	3709.00	-0.22%	-1.28%	-0.05%	-14.74%		HPG
Nhôm	Ton	2395.00	-1.84%	-0.70%	10.11%	-11.43%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	97.00	-0.51%	0.00%	1.57%	4.86%	HPG	
Than đá	Ton	347.15	-1.10%	1.80%	-10.99%	121.11%	HT1,HPG	HLC, NBC, TNT, THT

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Giá dầu Brent giao tháng 1 giảm 2.95 USD, tương đương 3.3% xuống 85.41 USD/thùng; dầu Tây Texas (WTI) của Mỹ giảm 3.01 USD, tương đương 3.7% xuống 77.94 USD/thùng.
• Giá dầu giảm hơn 3% vào thứ Tư (23/11), tiếp tục chuỗi ngày giao dịch đầy biến động, khi Nhóm Bảy quốc gia (G7) có thể giới hạn giá dầu Nga cao hơn mức giá thị trường hiện tại và tồn kho xăng ở Mỹ nhiều hơn mong đợi của các nhà phân tích.

Giá vàng

• Giá vàng giao ngay kết thúc phiên tăng 0.5% lên 1,749.04 USD/ounce, trong khi hợp đồng vàng kỳ hạn tháng 12 tăng 0.3% ở mức 1,745.6.
• Giá vàng tiếp tục tăng do biên bản cuộc hop của Fed cho thấy tốc độ tăng lãi suất sẽ chậm lại.

Giá quặng sắt

• Hợp đồng quặng sắt được giao dịch nhiều nhất trên Sàn giao dịch Hàng hóa Đại Liên (giao tháng 1) giảm 0.4% xuống 732.5 nhân dân tệ (102.44 USD)/tấn. Trên Sàn giao dịch Singapore, giá quặng sắt kỳ hạn tháng 12 tăng 1.7% lên 95.05 USD/tấn.
• Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên (Trung Quốc) tiếp tục giảm phiên thứ ba liên tiếp do lo ngại về số ca nhiễm COVID-19 gia tăng tại nhà sản xuất thép hàng đầu thế giới - Trung Quốc – gây áp lực nặng nề lên tâm lý thị trường.

Giá nông sản

• Giá cà phê arabica giảm khi lượng hàng trong các kho dự trữ trao đổi tiếp tục tăng, bất chấp những điều chỉnh giảm dự đoán về với vụ mùa tiếp theo của Brazil. Giá cà phê arabica giao tháng 3 giảm 1.95 cent, tương đương 1.2%, xuống 1.6275 USD/lb mặc dù thị trường vẫn cao hơn mức thấp nhất trong 16 tháng của tuần trước là 1.5405 USD.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	37.7	-6.91%	1.4	2220.0	11.9	3362.93	11.2	2.5	49.00%	24.22%
PNJ	Bán lẻ	106.0	0.28%	0.9	1049.2	0.7	5633.11	18.8	3.5	48.28%	19.95%
BVH	Bảo hiểm	48.7	0.10%	1.1	1454.5	1.0	2326.54	20.9	1.7	26.38%	9.23%
PVI	Bảo hiểm	39.9	-0.25%	0.8	376.0	0.0	3392.64	11.8	1.1	58.56%	10.64%
VIC	Bất động sản	61.0	2.18%	0.2	9360.7	2.8	-175.91	-346.8	2.0	11.34%	2.27%
VRE	Bất động sản	27.1	3.63%	1.1	2477.7	1.3	570.55	47.5	2.0	31.26%	4.16%
VHM	Bất động sản	45.0	1.35%	0.4	7883.9	2.1	6464.37	7.0	1.5	23.21%	24.94%
DXG	Bất động sản	9.9	3.13%	2.0	243.0	4.8	1202.50	8.2	0.4	29.55%	10.92%
SSI	Chứng khoán	16.0	1.27%	1.8	958.6	10.4	1887.19	8.5	1.7	35.06%	21.81%
VCI	Chứng khoán	19.5	1.56%	2.2	341.7	4.4	3477.51	5.6	1.2	17.42%	24.34%
HCM	Chứng khoán	18.8	5.93%	1.8	344.9	5.1	2414.94	7.8	1.1	40.62%	17.48%
FPT	Công nghệ	70.5	0.00%	0.8	3111.8	2.2	4481.26	15.7	3.5	49.00%	27.76%
FOX	Công nghệ	48.5	3.19%	0.6	0.0	0.0	6130.36	7.9	2.5	0.00%	32.54%
GAS	Dầu khí	105.8	-2.22%	0.7	8147.4	2.0	6738.16	15.7	3.4	3.00%	24.22%
PLX	Dầu khí	27.5	3.19%	1.2	1405.9	1.4	565.29	48.6	1.5	17.21%	4.05%
PVS	Dầu khí	18.9	-1.05%	1.0	363.5	3.8	1117.13	16.9	0.7	10.54%	4.76%
BSR	Dầu khí	13.1	0.00%	1.4	0.0	4.4	4970.43	2.6	1.0	0.00%	19.61%
DHG	Dược	81.8	-0.24%	0.3	430.3	0.0	6590.45	12.4	3.0	54.22%	23.88%
DPM	Hóa chất	36.5	0.69%	1.7	574.7	1.7	14451.25	2.5	1.1	15.40%	51.24%
DCM	Hóa chất	25.7	-0.39%	1.8	547.4	2.7	7604.29	3.4	1.4	8.57%	48.13%
VCB	Ngân hàng	73.0	-0.68%	0.7	13900.1	3.2	5270.88	13.8	2.9	23.51%	21.92%
BID	Ngân hàng	38.0	1.60%	1.1	7734.1	2.7	2580.31	14.7	2.2	16.92%	15.45%
CTG	Ngân hàng	24.6	0.82%	1.3	4756.6	4.1	3056.74	8.0	1.2	26.84%	15.24%
VPB	Ngân hàng	15.1	0.33%	1.2	4078.6	6.2	3746.97	4.0	0.9	17.38%	24.16%
MBB	Ngân hàng	15.7	0.00%	1.4	2864.1	4.0	3466.63	4.5	1.1	19.36%	27.02%
ACB	Ngân hàng	21.0	1.69%	1.1	2853.7	1.9	3482.46	6.0	1.4	24.00%	25.45%
BMP	Nhựa	52.0	-0.95%	0.9	171.3	0.0	4412.15	11.8	1.7	85.19%	15.17%
NTP	Nhựa	31.3	0.00%	0.9	163.2	0.0	4027.25	7.8	1.4	13.30%	18.57%
MSR	Tài nguyên	10.3	-0.96%	1.7	0.0	0.0	556.11	18.5	1.0	10.12%	4.74%
HPG	Thép	14.4	3.99%	1.5	3357.3	18.0	5164.14	2.8	0.8	20.65%	34.50%
HSG	Thép	9.2	6.96%	2.3	221.9	5.1	3476.39	2.7	0.5	6.67%	19.24%
VNM	Tiêu dùng	81.2	2.27%	0.5	6828.1	9.4	4531.33	17.9	5.0	54.98%	26.85%
SAB	Tiêu dùng	180.5	-0.82%	0.1	4657.2	1.1	7167.32	25.2	4.9	62.84%	21.02%
MSN	Tiêu dùng	89.0	-4.20%	1.3	5098.2	3.7	7616.01	11.7	5.8	28.97%	33.65%
SBT	Tiêu dùng	11.0	1.85%	1.4	297.9	0.8	1371.91	8.0	0.8	7.91%	9.65%
ACV	Vận tải	83.0	4.67%	0.2	0.0	0.3	1203.67	69.0	4.7	3.77%	1.80%
VJC	Vận tải	101.2	0.80%	0.1	2205.3	1.2	408.44	247.8	3.2	16.41%	1.34%
HVN	Vận tải	9.2	-0.11%	1.3	821.5	0.2	-4376.34	-2.1	-8.8	5.93%	13.53%
GMD	Vận tải	46.0	5.02%	0.6	557.8	1.5	2912.32	15.8	1.9	46.84%	14.00%
PVT	Vận tải	17.6	0.29%	1.5	228.5	0.8	1853.29	9.5	0.8	14.72%	12.70%
VCS	Vật liệu xây dựng	44.6	-0.22%	1.1	287.1	0.1	10584.40	4.2	1.4	2.92%	36.87%
VGC	Vật liệu xây dựng	29.9	-0.33%	1.7	539.4	0.5	4354.39	6.9	1.5	5.37%	25.90%
HT1	Vật liệu xây dựng	8.6	-1.83%	1.7	131.7	0.1	509.24	16.8	0.6	1.90%	3.60%
CTD	Xây dựng	29.0	-2.03%	2.1	86.2	0.3	-944.94	-30.7	0.3	49.00%	0.29%
CII	Xây dựng	12.0	0.00%	1.9	121.3	1.4	1379.19	8.7	8.4	8.70%	5.55%
REE	Điện	69.8	-0.57%	1.0	998.1	0.6	6599.82	10.6	1.4	49.00%	17.63%
PC1	Điện	16.0	1.59%	1.4	174.1	0.9	2044.95	7.8	0.7	4.53%	9.54%
POW	Điện	10.6	1.44%	1.4	998.8	2.1	665.80	15.9	0.8	2.55%	6.18%
NT2	Điện	24.8	-0.80%	1.0	287.3	0.9	3192.14	7.8	1.6	14.18%	21.45%
KBC	Khu công nghiệp	16.8	0.30%	1.6	517.3	4.1	3279.89	5.1	0.8	17.61%	5.38%
BCM	Khu công nghiệp	75.0	0.00%	1.1	3123.2	0.4	1620.06	46.3	4.3	2.81%	10.06%

Danh mục đầu tư cơ bản

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	21.0	19.1	9.95%	24	16.19%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	83.0	74.7	11.11%	90	8.43%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	75.0	75.0	0.00%	94	25.60%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	13.1	13.6	-3.68%	19	42.75%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	43.6	37.7	15.65%	51	17.43%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	12.0	10.6	13.21%	14	17.50%	Click
7	DRC	Ôtô và linh kiện ôtô	HSX	Mua	19.1	17.1	11.70%	28	46.60%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	70.5	65.9	6.98%	85	20.00%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	57.8	59.8	-3.34%	75	30.28%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	12.2	12.2	0.00%	16	28.69%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	29.6	29.0	2.07%	43	46.62%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	16.8	16.7	0.30%	18	8.06%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	18.9	18.9	0.00%	24	24.87%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	37.7	37.9	-0.53%	53	41.64%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	106.0	94.1	12.65%	119	12.17%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	10.6	10.5	1.44%	13	22.64%	
17	PVD	Dầu khí	HSX	Mua	13.0	13.6	-4.41%	20	51.54%	Click
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	18.9	19.1	-1.05%	28	48.15%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	17.6	17.5	0.29%	20	13.39%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	12.1	12.0	0.83%	16	32.23%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	69.8	70.2	-0.57%	86	23.21%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	73.0	75.0	-2.67%	90	23.70%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	37.3	34.9	6.88%	48	28.69%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	64.3	74.9	-14.15%	87	35.61%	Click
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	81.2	77.0	5.45%	86	5.79%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	27.1	25.0	8.40%	32	17.34%	

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo. Để có thông tin chi tiết thêm quý nhà đầu tư có thể vào website hoặc sử dụng BSC ibroker.

Trợ lý phân tích định lượng (Kim): cung cấp cho nhà đầu tư các tín hiệu và khuyến nghị kỹ thuật trong ngày.

Trợ lý phái sinh (Hỏa): cung cấp các khuyến nghị kỹ thuật trong phiên với 2 mã HĐTL VN30F1M và VN30F2M

Trợ lý phân tích cơ bản (Mộc): cung cấp thông tin tổng quan về tình hình hoạt động của doanh nghiệp thông qua các biểu đồ và các chỉ tiêu tài chính.

Trợ lý chứng quyền (Thổ): cung cấp các thông tin cơ bản về các mã chứng quyền và định giá Black-Scholes.

Trợ lý báo cáo phân tích (Thủy): cung cấp báo cáo phân tích và khuyến nghị theo phân tích cơ bản từ các chuyên viên phân tích của Phòng PTNC – BSC.

Sử dụng iBroker tại đây Link

Bản công bố rủi ro Link

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	**x**		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	**x**		Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	**x**		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		**x**	Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
6	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
10	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
13	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
14	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
16	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
17	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
18	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
19	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
20	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
21	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
22	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
24	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
25	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
28	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
31	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
34	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
37	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
39	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
41	Banking Sector Outlook		x	Click
42	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
44	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639